PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI GẮN VỚI VĂN HÓA KHMER TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN THÀNH LONG
Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
nguyenthanhlong@iuh.edu.vn

Tóm tắt. Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố thuộc văn hóa lễ hội và ẩm thực Khmer ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái (DLST) tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) có nhiều đồng bào Khmer sinh sống. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua thảo luận nhóm tập trung cùng các chuyên gia. Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua khảo sát trực tiếp đối tượng là các nhà quản lý, các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 yếu tố thuộc văn hóa lễ hội và ẩm thực Khmer tác động đến phát triển DLST tại các tỉnh ĐBSCL có nhiều đồng bào Khmer sinh sống, cụ thể: (1) Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer; (2) Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer; (3) Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng Dân gian, (4) Các hoạt động lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer. Từ kết quả này, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại các tỉnh ĐBSCL có đông đồng bào Khmer sinh sống.
Từ khóa. Văn hóa Khmer, du lịch sinh thái

DEVELOP ECOTOURISM ASSOCIATED WITH KHMER CULTURE IN THE MEKONG DELTA REGION

Abstrac. this study aims to identify factors of Khmer's cultural festival and cuisine affecting ecotourism development at Mekong Delta region where Khmer compatriot is living. The study was realized a combination of qualitative and quantitative research method. Qualitative research was conducted through focus group discussions with experts. Quantitative research was conducted through direct interviews with managers, tourism enterprises in the Mekong Delta region. The result has shown that there are 4 factors of Khmer's cultural festival and cuisine affecting ecotourism development at Mekong Delta region where Khmer compatriot is living, including (1) Khmer cuisine culture; (2) Khmer people' religious faith rituals; (3) Traditional faith rituals; (4) Khmer compatriot's traditional festival activities. From these findings, the study proposes some policy implications for ecotourism associated with Khmer culture in the Mekong Delta region with a large Khmer compatriot.
Keywords. Khmer culture, ecotourism.

1. GIỚI THIỆU

Du lịch được xem là ngành kinh tế trọng yếu của Việt Nam, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, tăng thu ngoại tệ, tạo nhiều việc làm, nâng cao mức sống của người dân cũng như góp phần tích cực vào quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Cùng với sự phát triển của ngành du lịch nói chung, DLST đã và đang trở thành một trào lưu mạnh mẽ trên toàn cầu và trở thành mối quan tâm của nhiều quốc gia trong chiến lược phát triển du lịch. Mô hình DLST giúp du khách có điều kiện tìm hiểu nhiều nền văn hóa bản địa đặc sắc, thỏa mãn nhu cầu khám phá và sức khỏe của con người. Việt Nam cũng được xem là một trong những quốc gia có tiềm năng du lịch với nhiều điểm đến du lịch hấp dẫn được du khách trong và ngoài nước biết đến. Theo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, từ năm 2015 - 2019, khách quốc tế tăng gần hai lần, với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 25%/năm [1]. Với tốc độ tăng trưởng như thế, Việt Nam đã trở thành một trong mười quốc gia có tốc độ tăng trưởng du lịch cao nhất thế giới. Bước vào năm 2020, ngành du lịch Việt Nam vẫn tiếp đà phát triển và nền tảng tăng trưởng ngoạn mục 5 năm liên tục. Tháng 1 năm 2020, lần đầu Việt Nam đón được hai triệu khách quốc tế trong một tháng. Thế nhưng, từ tháng 2 năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới đã ngay lập tức ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành du lịch [2]. Ngành du lịch Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn chưa từng xảy ra trước đó. ĐBSCL là một vùng cực Nam của Việt Nam, bao gồm 13 tỉnh thành: Thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

Long An, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau và tỉnh Kiên Giang. Diện tích của ĐBSCL khoảng 39,734 km², có vị trí nằm liền kề vùng Đông Nam bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam là vịnh Thái Lan, phía Đông Nam là Biển Đông. Thiên nhiên ban tặng cho ĐBSCL nguồn tài nguyên dồi dào, khí hậu ôn hòa, vùng sông nước hữu tình kết hợp với tinh hoa văn hóa đặc sắc đến từ cộng đồng 4 dân tộc Kinh - Hoa - Chăm – Khmer đã tạo cho vùng đất này có tiềm năng và lợi thế lớn cho phát triển du lịch cộng đồng gắn với văn hóa địa phương. Theo Tổng cục Thống kê, ĐBSCL có trên 1,5 triệu người là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 6,8% dân số toàn vùng; trong đó, đồng bào Khmer đông nhất, trên 1,2 triệu người. Người Khmer ở nơi đây sống chủ yếu bằng nghề nông, có mức sống trung bình, nhưng đời sống văn hóa, tinh thần rất đa dạng và phong phú. Đời sống văn hóa tinh thần người Khmer được thể hiện sâu sắc, phong phú gồm các loại hình nghệ thuật sân khấu Rô băm, Dù kê hay diễn tấu Chầm riêng Chà pây. Ngoài ra, do có ngôn ngữ chữ viết phát triển lâu đời nên người Khmer vùng ĐBSCL còn là chủ nhân của nền nghệ thuật dân gian với nhiều truyện cổ tích, thần thoại, ngụ ngôn, truyện cười, ca dao, tục ngữ, nói lái, câu đố…

Mặc dù chiếm tỷ trọng lớn trong tỷ lệ dân tộc thiểu số và có những lợi thế về văn hóa Khmer phong phú và đặc sắc để phát triển DLST, nhưng các mô hình phát triển DLST gắn với văn hóa dân tộc của vùng ĐBSCL chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Do đó, việc nghiên cứu phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL là cần thiết.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Du lịch sinh thái

Theo luật du lịch Việt Nam năm 2005, DLST là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững. Theo quy chế quản lý các hoạt động DLST tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành năm 2007, thì DLST được hiểu là du lịch gắn liền với thiên nhiên, với bản sắc văn hoá của địa phương và sự tham gia của cộng đồng dân cư ở địa phương nhằm phát triển bền vững.

Theo Lê Huy Bá (2005) [3], DLST là một loại hình du lịch lấy các hệ sinh thái đặc thù, tự nhiên của địa phương làm đối tượng để phục vụ cho những khách du lịch yêu thiên nhiên, thích du ngoạn và thưởng thức cảnh quan thiên nhiên hay nghiên cứu về các hệ sinh thái. DLST cũng là hình thức kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế du lịch với giới thiệu về những cảnh đẹp của quốc gia. Phát triển mô hình du lịch này cũng là hình thức giáo dục tuyên truyền, bảo vệ và phát triển môi trường và tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững [3].

Trong hoạt động DLST, các di tích lịch sử; các công trình kiến trúc địa phương; văn hóa dân gian, lễ hội; các sản phẩm gắn liền với địa hình như: khí hậu, thủy văn, động vật hoang dã, thực vật là những yếu tố quan trọng và tạo nên sự khác biệt cho điểm đến. Demir và Cevirgen (2006) [4] cho rằng, các yếu tố chính tạo nên cấu trúc cho DLST phụ thuộc vào chính sách của địa phương. Những yếu tố này bao gồm: sự phát triển của ngành du lịch, sự quản lý của địa phương và quốc gia, cộng đồng dân cư địa phương, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế. Trong các yếu tố này thì yếu tố cộng đồng dân cư địa phương là rất quan trọng. Bởi vì, sẽ không có một dự án DLST nào tốt mà không có sự hỗ trợ và tham gia của cộng đồng dân cư tại địa phương. Để thành công cho một điểm đến DLST cần có sự phối hợp giữa các yếu tố tạo nên cấu trúc cho loại hình du lịch này. Chính phủ và địa phương cần sự hỗ trợ này để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng như: cơ sở hạ tầng giao thông, hệ thống thông tin, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, an ninh, an toàn thực phẩm…trên cơ sở không gây tổn hại cho môi trường.

2.2 Khái quát về văn hóa người Khmer Nam bộ

Theo Ngô Văn Lệ (2004) [5], đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa Khmer, các công trình nghiên cứu đó đều cho thấy một điểm chung là khu vực Tây Nam bộ. Nơi người Khmer Nam bộ hiện nay cư trú đông từ thế kỷ VII đến thế XIII là vùng hoang địa, dấu ấn cư trú của người Khmer trong giai đoạn này gần như không xuất hiện trên vùng đất này.

Còn theo Sơn Lương (2017) [6], người Khmer là một trong 3 tộc người chủ yếu ở vùng đất Nam bộ, bao gồm người Kinh, người Hoa và người Khmer. Người Khmer Nam bộ có đời sống văn hóa vật chất và tinh thần vô cùng phong phú và đặc sắc, cụ thể:

Về đời sống văn hóa vật chất của người Khmer

Về nhà ở: Theo Sơn Lương (2017) [6], nhà ở truyền thống của người Khmer chủ yếu là nhà sàn. Tuy nhiên, do quá trình sinh sống giao tiếp văn hóa với người Việt, người Hoa và thích ứng với điều kiện kinh tế, địa

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

lý nên hầu hết nhà sàn cổ truyền của người Khmer Nam bộ đã được thay thế bằng nhà nền đất. Việc xây nhà là điều hệ trọng theo tín ngưỡng xưa, người Khmer muốn dựng nhà đều phải tìm đến "Kru Achar" để xem hướng, nền thổ cư, xem giờ, ngày, tháng rồi mới tiến hành xây cất.

Về y phục, trang sức: Theo Sơn Lương (2017) [6], người Khmer xưa cũng nổi tiếng với kỹ thuật nhuộm vải từ quả mặc nưa gọi là "măc kh'loeur" để tạo màu đen tuyền bóng và lâu phai. Trong sinh hoạt đời thường, người Khmer ăn mặc tương tự như người Kinh. Riêng trang phục trong lễ cưới, chú rể mặc "Ao Koth" (áo cổ đứng dài tay) khoác thêm "Ao Phai" (áo choàng dài) ở ngoài, không bận quần mà phải "Som poth Som loy" (quấn tấm vải) hoặc thắt "Kbân" (quấn tấm vải có một đường thắt ở giữa). Người nữ (cô dâu) Khmer mặc y phục cổ truyền của dân tộc. Đối với cô dâu thường là kiểu áo dài Khmer và quấn Sa rông với các loại vải "Pha muông" hoặc "Leat" (loại vải có sọc 3 lằn ở dưới chân hoặc loại vải trơn), trên đầu cô dâu có đội "Mô koth" (mão) màu óng ánh, một loại mão đặc biệt được thêu đính bằng "Slap Kom phêm" (cánh của con bọ cánh cam) như là đầu "Neak" (Rồng).

Về đời sống tinh thần của người Khmer

Về tín ngưỡng: theo Sơn Lương (2017) [6], người Khmer có nhiều tín ngưỡng dân gian rất đặc sắc, trở thành những nét đẹp văn hóa tâm linh của cộng đồng mà ngày nay vẫn còn nhiều nơi thực hiện như: Tục thờ cúng "Arăk" là vị thần giữ gìn, bảo hộ gia đình, Phum srok; thờ cúng "Neak Ta" là tín ngưỡng về các vị thần bảo vệ cho chính bản thân mình và giữ gìn cho sự bình an của cộng đồng phum srok. Còn về tôn giáo, người Khmer Nam bộ từ trước tới nay theo hai tôn giáo chính, đó là Bà La Môn giáo và Phật giáo theo hệ phái Nam tông.

Về phong tục lễ hội, theo Sơn Lương (2017) [6], người Khmer có nhiều phong tục lễ hội đặc sắc, phản ánh những nét đẹp trong đời sống tâm linh, mang tính đặc trưng văn hóa bản địa của tộc người Khmer ở vùng đất này, cụ thể như: Các lễ tục sinh đẻ của phụ nữ Khmer, Pithi Kath sook boong koc Chmop (Lễ cắt tóc đền ơn mụ), Pithi kô Chúk (Lễ cạo tóc chỏm), Pithi khuap kom nơt (Lễ giáp tuổi), Bon Bom buas (Lễ đi tu), Pithi chôl m'lúp nưng chinh m'lup (Lễ vào và ra bóng mát), Pithi chom rơn pres chonh (Lễ chúc thọ), Pithi Apea - Pipea (Lễ cưới), Pithi lơn phtes thmây (Lễ lên nhà mới), Pithi Bon Sóp (Lễ tang), Pithi Bon đa (Lễ dâng phước), Pithi Bon Muôi rôi thngay (Lễ cúng 100 ngày), Pithi Bon Khuap (Lễ giỗ).

Về văn học: Người Khmer đã sử dụng chữ viết của mình để ghi chép những sự kiện lịch sử xã hội, tôn giáo và văn hóa được lưu truyền cho đến ngày nay. Văn học dân gian Khmer là một kho tàng hết sức phong phú và sinh động cả về thể loại lẫn đề tài. Về thể loại thì có: Tục ngữ, dân ca, giáo huấn ca, câu đố, rương Bô ran (truyện cổ) rương Ni ten (truyện kể) rương Pi đơm (truyện đời xưa), rương Prêng (truyền thuyết)... (Sơn Lương, 2017).

Về mỹ thuật, điêu khắc: Người Khmer là tộc người có óc thẩm mỹ và năng lực sáng tạo nghệ thuật ở trình độ cao như: dao, búa, cuốc, xẻng, cày, bừa… cho đến phương tiện chuyên chở như xe kéo, xe bò, đặc biệt là chiếc ghe Ngo được dùng để bơi đua trong Hội lễ cúng trăng. Bên cạnh đó, còn có những công trình kiến trúc các chùa Khmer đồ sộ, khang trang, đẹp lộng lẫy (Sơn Lương, 2017).

Về âm nhạc: Theo Sơn Lương (2017) [6], người Khmer có nhiều dàn nhạc dân tộc phổ biến trong đời sống sinh hoạt như: dàn nhạc ngũ âm, dàn nhạc dây, dàn nhạc truyền thống, dàn nhạc cưới. Ngoài ra, người Khmer Nam bộ còn có nhiều làn điệu dân ca nổi tiếng như: Hát ru, hát trong lao động, hát cấy lúa, hát giã gạo, hát đuổi chim, bơi thuyền, đua ghe Ngo, hát múa A day đối đáp, hát giao duyên… Mọi công việc và cảnh vật đều có bài hát để ca ngợi trong đời sống hàng ngày. Còn về nghệ thuật biểu diễn, người Khmer Nam bộ có những điệu múa dân gian và truyền thống trong các lễ hội và lễ cưới như: Rom vong, Sarawan, Rom Leo, Rom Kbach, múa trống Chhay Dăm, múa Gáo, múa trong lễ cưới, múa Arăk...

Với những nét văn hóa vật chất và tinh thần vô cùng phong phú và đặc sắc của người Khmer Nam bộ sẽ là một lợi thế trong phát triển du lịch, đặc biệt là DLST gắn với văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, việc khai thác du lịch đi đôi với bảo tồn, giữ gìn, bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa Khmer một cách khoa học sẽ đưa DLST khu vực ĐBSCL phát triển bền vững.

2.3 Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu của LONG (2020) [7] đã chỉ ra 5 yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của DLST gắn với văn hóa Khmer tỉnh Sóc Trăng, cụ thể: (1) Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, (2) Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer; (3) Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer; (4) Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng Dân gian, (5) Các hoạt động lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer. Trên cơ sở tiếp cận lý thuyết từ các công trình nghiên cứu trên, tác giả đưa ra định hướng nghiên cứu phát triển DLST gắn với

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu Sơn Lương (2017) [6], LONG (2020) [7] chúng tôi đưa ra các thuộc tính nhằm xây dựng dàn bài phỏng vấn chuyên gia và thảo luận nhóm. Tổng hợp các ý kiến của chuyên gia và ý kiến tại cuộc thảo luận nhóm cho thấy, đa số ý kiến đều đồng tình với các yếu tố ảnh hưởng phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL, cụ thể:

2.3.1 Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer

Ẩm thực là yếu tố ngày càng quan trọng đối với ngành du lịch bởi vì ẩm thực luôn được nhìn nhận là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu để hấp dẫn du khách. Trong ẩm thực ẩn chứa những giá trị văn hóa phi vật thể cốt lõi của điểm đến và thông qua việc thưởng thức chúng, du khách có thể khám phá, cảm nhận rõ nét bản sắc văn hóa chính thống của người dân địa phương (Lee & King, 2009; Molina & cộng sự, 2010). Đối với các nhà cung cấp ẩm thực tại điểm đến, cần phải mở rộng kiến thức về văn hóa ẩm thực của du khách bao gồm thói quen ăn uống, khẩu vị, phong tục,… để làm cho ẩm thực trở nên phù hợp với thói quen của họ [10]. Tại tỉnh ĐBSCL, văn hóa ẩm thực của người Khmer hết sức phong phú và đa dạng. Từ các món ăn trong sinh hoạt thường ngày, đến các món ăn trong các dịp lễ Tết, giỗ chạp của người Khmer đều thể hiện được sự ứng xử của con người đối với môi trường thiên nhiên. Họ lựa chọn các thức ăn có nguồn gốc từ tự nhiên, chế biến và sáng tạo ra nhiều món ăn khác nhau. Đến nay, đồng bào Khmer đã có được một danh sách dài về các món ăn đặc trưng. Trong đó, có các món tiêu biểu như: mắm bò hóc, canh som lo, bún nước lèo, cốm dẹp, bánh thốt nốt, nước thốt nốt,… rất thu hút sự quan tâm của du khách mỗi khi họ đến đây.

Trên cơ sở đó giả thuyết H_1 được đề xuất như sau: Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer ảnh hưởng tích cực đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL.

2.3.2 Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer

Theo tác giả Sơn Lương (2017) [6], các nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo của người Khmer gắn liền với ngôi chùa, chùa là nơi thiêng liêng, nơi thờ Phật, gửi gắm niềm tin qua những việc làm hiện tại, ước mong, hy vọng ở cõi Niết bàn trong tương lai. Ngôi chùa gắn bó với mỗi người dân Khmer gần như suốt cuộc đời, từ lúc sinh ra, trưởng thành cho đến khi lìa xa trần thế. Các nghi lễ luôn chiếm giữ vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của người Khmer, nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản là giải tỏa về mặt tâm linh, giữ gìn truyền thống văn hóa, tôn giáo của dân tộc. Các nghi lễ đó có thể kể đến là: Bon Mekh bô chea (Lễ ban hành giáo lý); Bon Pi Sak bô chea (Lễ Phật Đản); Bon A sốth bô chea (Lễ xuống trần); Bon Puth the Phi sek (Lễ an vị tượng Phật); Bon chôl Vôsa (Lễ nhập hạ); Bon ching Vôsa (Lễ xuất hạ); Bon Kă Thân-nă tean (Lễ dâng y cà sa); Bon Phka (Lễ dâng bông); Bon banh-chôs Sây ma (Lễ kiết giới).

Trên cơ sở đó giả thuyết H_2 được đề xuất như sau: Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer ảnh hưởng tích cực đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL.

2.3.3 Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian của đồng bào Khmer

Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân của người Khmer Nam bộ đều là những giá trị độc đáo về văn hóa tinh thần hết sức phong phú và đa dạng. Theo tác giả Sơn Lương (2017) [6], các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian của người Khmer có thể kể đến là: Pithi chinh chơt Prô lưng (Lễ xúc hồn); Pithi Bon Chhak băng skôl (Lễ cầu siêu) hoặc Chhak Mô ha Băng skôl (Lễ Đại cầu siêu); Pithi Bon Phnum pone (Lễ ngàn núi); Bon Kom sane Srok (Lễ Cầu an); Pithi lơng Arak (Lễ lên Arak); Pithi sene Neak Ta (Lễ cúng ông Tà); Pithi Bon som Tưk phliêng (Lễ cầu mưa); Bon sene len (Lễ cúng sân lúa). Trước sự phát kinh tế - xã hội của đất nước, đời sống vật chất và tinh thần của người Khmer ngày càng nâng cao; cùng với yếu tố giao lưu văn hóa với người Kinh và người Hoa đã thúc đẩy sự biến đổi trong quan điểm, nhận thức trong tín ngưỡng dân gian của người Khmer nhưng họ vẫn giữ được những giá trị về văn hóa tinh thần hết sức phong phú và đa dạng.

Trên cơ sở đó giả thuyết H_3 được đề xuất như sau: Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian của người Khmer ảnh hưởng tích cực đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL.

2.3.4 Các hoạt động lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer

ĐBSCL có nhiều lễ hội mang tính đặc trưng riêng của người Khmer. Nguồn gốc lẫn tên gọi và cách thức thực hiện các lễ hội của người Khmer tại các tỉnh ĐBSCL giống nhau, đặc biệt là phong tục đua ghe Ngo hàng năm, lễ Sene Đôn Ta (lễ cúng ông bà)... Theo Sơn Lương (2017) [6], các phong tục và lễ hội của người Khmer đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống sinh hoạt tinh thần, vật chất của họ. Một trong những phong tục lễ nghi đã trở thành luật tục trong việc giáo dục giới tính cho xã hội như "Chbăp Prôs – Chbăp srây" (Giáo huấn nam và nữ). Bên cạnh các phong tục, các lễ hội truyền thống có thể kể đến là: Pithi

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

Bon Chôl Chhnăm Thmây (Lễ hội vào năm mới); Pi thi Đăk Bân hay Kanh Bân (Lễ đặt cơm vắt); Pithi Bon Sene Đôn Ta (Lễ cúng ông bà); Pithi Bon Om tuk (Lễ hội đua ghe Ngo); Pithi Ok Om bok – Thvai Pres Kher (Lễ đút cốm dẹp – cúng trăng); Pithi lôi Protip (Lễ thả đèn nước) [6].

Trên cơ sở đó giả thuyết H_4 được đề xuất như sau: Các hoạt động lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer ảnh hưởng tích cực đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL.

2.3.5 Mô hình nghiên cứu

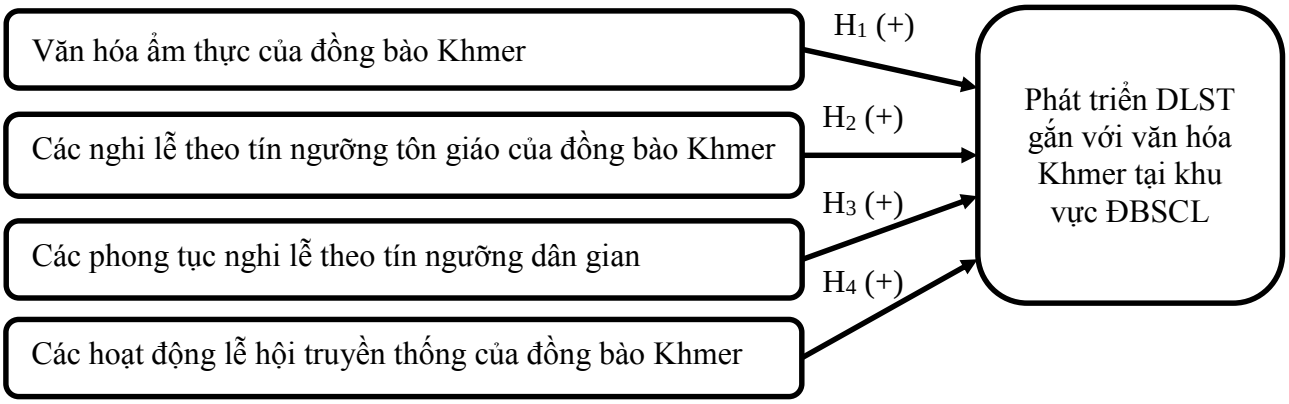

Hình 1: Mô hình nghiên cứu

Bảng 1: Bộ thang đo

Yếu tố	Biến quan sát	Nguồn
Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer (VHAT)	Hệ thống các món ăn của đồng bào Khmer mang đậm nét truyền thống.	Sơn Lương (2017) [6], LONG (2020) [7]
	Nguồn nguyên liệu chế biến các món ăn của đồng bào Khmer từ nguồn tự nhiên.	
	Hệ thống các món ăn của đồng bào Khmer có mùi vị độc đáo và riêng biệt.	
	Mắm prohoc của đồng bào Khmer rất độc đáo.	
	Các loại bánh được làm bởi đồng bào Khmer rất thu hút.	
	Bún nước lèo của đồng bào Khmer rất độc đáo và mang đặc trưng riêng của địa phương	
	Du khách rất muốn thưởng thức ẩm thực cùng đồng bào Khmer tại nhà của họ.	
Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer (LNTN)	Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer rất đặc sắc	Sơn Lương (2017) [6], LONG (2020) [7] và nhóm tác giả đề xuất từ tổng hợp ý kiến chuyên gia.
	Du khách khi đến ĐBSCL luôn đến hành lễ theo tín ngưỡng tôn giáo tại các ngôi chùa của đồng bào Khmer.	
	Nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer luôn gắn liền với kiến trúc của những ngôi chùa.	
	Du khách sẵn sàng nghỉ lại tại các ngôi chùa gắn liền với văn hóa tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer.	
Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian (PTNL)	Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian của đồng bào Khmer rất đa dạng và phong phú.	
	Kết hợp giữa du lịch sinh thái với tìm hiểu các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian của đồng bào Khmer là rất thú vị.	
	Sự sẵn sàng ở lại ĐBSCL một vài ngày của du khách để tham gia các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng của đồng bào Khmer.	
Các hoạt động lễ hội truyền	Các hoạt động lễ hội của đồng bào Khmer rất đa dạng và phong phú.	Sơn Lương (2017) [6], LONG (2020) [7] và

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

thống của đồng bào Khmer (LHTT)	Nhắc đến đồng bào Khmer Nam bộ, du khách nghĩ ngay đến Lễ hội Ooc Om Boc và đua ghe Ngo.	nhóm tác giả đề xuất từ tổng hợp ý kiến chuyên gia.
	Du lịch sinh thái tại ĐBSCL kết hợp với tìm hiểu văn hóa lễ hội của đồng bào Khmer là rất thú vị.	
	Ngoài lễ hội Ooc Om Boc và đua ghe Ngo, đồng bào Khmer còn nhiều lễ hội khác rất thú vị như: Lễ vào năm mới, Lễ đặt cơm vắt, Lễ cúng ông bà, Lễ đút cốm dẹp – cúng trăng, Lễ thả đèn nước...	
Phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL	Phát triển DLST gắn với văn hoá Khmer là một lợi thế của DLST khu vực ĐBSCL.	LONG (2020) [7]
	Phát triển DLST gắn với văn hoá Khmer góp phần tạo sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào Khmer khu vực ĐBSCL.	LONG (2020) [7]
	Phát triển DLST gắn với văn hoá Khmer khu vực ĐBSCL là một trong những xu hướng phát triển bền vững	LONG (2020) [7], Long và Nguyen (2018) [11]

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện thông qua 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1, giai đoạn này được thực hiện bởi phương pháp nghiên cứu định tính thông qua chuyên gia, mục tiêu của giai đoạn này: Tham khảo ý kiến chuyên gia và thảo luận nhóm nhằm hoàn thiện mô hình nghiên cứu, bộ thang đo và thiết kế bảng khảo sát.

Giai đoạn 2, nội dung giai đoạn này được thực hiện bởi phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát, mục tiêu của giai đoạn này: Kiểm định độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá. Theo Hair và cộng sự (2006) [12], kích thước mẫu tối thiểu phải ≥ m x 5, trong đó m là số lượng biến quan sát. Vậy, với 21 biến quan sát trong nghiên cứu này kích thước mẫu tối thiểu phải ≥ 105. Tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy cao, tác giả tiến hành khảo sát 300 đối tượng là du khách ở các điểm DLST có nhiều đồng bào Khmer sinh sống tại khu vực ĐBSCL, thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2019. Tất cả số liệu thu thập từ bảng câu hỏi điều tra được mã hóa, xử lý bằng phần mềm SPSS. Theo Nunnally và Bernstein (1994) [14], những biến quan sát nào có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7 thì mới đảm bảo độ tin cậy của thang đo. Mục đích của phân tích nhân tố khám phá để thu nhỏ và tóm tắt các dữ liệu. Phương pháp này dựa vào tỷ số rút trích nhân tố (Eigenvalue), phân tích nhân tố là thích hợp và các biến quan sát trong tổng thể có mối tương quan với nhau khi tổng phương sai trích phải > 50%, hệ số KMO nằm trong khoảng 0,5 đến 1, hệ số Sig. ≤ 5%, các Factor loading của tất cả các biến quan sát đều > 0,5; chênh lệch trọng số λiA- λiB đều > 0,3. Kết quả này được sử dụng để phân tích hồi quy tuyến tính nhằm kiểm tra các giả định của mô hình, xem xét mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Về kết quả thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành phát ra 300 phiếu khảo sát, thu về 175 phiếu. Trong 175 phiếu trả lời thu về thì có 36 phiếu trả lời bị loại do có quá nhiều ô trống. Cuối cùng 139 phiếu trả lời hợp lệ được sử dụng (46,33%). Dữ liệu được nhập và làm sạch bằng phần mềm SPSS 20.0. Trong 139 phiếu trả lời hợp lệ có 68 nữ (48,9%), 71 nam (51,1%). Về độ tuổi của đối tượng khảo sát, có 17 phiếu trả lời có độ tuổi từ 18 – 35 (12,2%), 86 phiếu trả lời có độ tuổi từ 36 – 50 (61,9%), 27 phiếu trả lời có độ tuổi từ 51 – 60 (19,4%), 9 phiếu trả lời có độ tuổi lớn hơn 60 (6,5%).

4.2 Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều có giá trị lớn hơn 0,7, hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0.3. Vì vậy, tất cả các thang đo đều được chấp nhận và đưa vào phân tích nhân tố khám phá tiếp theo (*Chi tiết theo Bảng 1*).

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2: Kết quả kiểm định thang đo

Mã hóa	Yếu tố	Cronbach's Alpha
VHAT	Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer	0,891
LNTN	Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian	0,806
PTNL	Các hoạt động lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer	0,794
LHTT	Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer	0,909
PTDL	Phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL	0,766

Nguồn: Kết quả kiểm định độ tin cậy của tác giả

4.3 Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Phần 1, phân tích cho các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL gồm có 18 biến quan sát. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy, các biến được trích thành 4 nhóm, với tổng phương sai trích (hay tổng biến thiên được giải thích) bằng 67,6% > 50%; hệ số KMO = 0,801 nằm trong khoảng 0,5 ≤ KMO ≤ 1; vì vậy, phân tích nhân tố (EFA) là thích hợp. Kiểm định Bartlett với Sig.=0,000, thể hiện mức ý nghĩa cao. Tất cả giá trị Factor loading của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5; chênh lệch trọng số $\lambda_i A$- $\lambda_i B$ đều lớn hơn 0,3 nên được chấp nhận (*Chi tiết theo Bảng 3*).

Bảng 3: Kết quả xoay nhân tố các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL

Mã hóa	Yếu tố			
	1	2	3	4
VHAT3	0,860			
VHAT2	0,793			
VHAT7	0,782			
VHAT6	0,774			
VHAT1	0,763			
VHAT5	0,759			
VHAT4	0,708			
LHTT2		0,942		
LHTT3		0,932		
LHTT4		0,865		
LHTT1		0,799		
NLTN2			0,851	
NLTN1			0,832	
NLTN4			0,761	
NLTN3			0,736	
PTNL1				0,874
PTNL2				0,852
PTNL3				0,792

Nguồn: Kết quả phân tích EFA của tác giả

Phần 2, phân tích nhân tố cho biến phụ thuộc phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL gồm có 3 biến quan sát. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy, tổng phương sai trích = 68,4% > 50%, thang đo được chấp nhận. Hệ số KMO = 0,698 nằm trong khoảng 0,5 ≤ KMO ≤ 1, phân tích nhân tố là thích hợp. Kiểm định Bartlett với Sig. = 0,000, thể hiện mức ý nghĩa cao. Giá trị Factor loading của tất cả các biến quan sát nhóm này đều lớn hơn 0,5 và được chấp nhận (*Chi tiết theo Bảng 4*).

Bảng 4: Kết quả xoay nhân tố phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL

Mã hóa	Factor 1
PTDL2	0,837
PTDL3	0,826
PTDL1	0,818

Nguồn: Kết quả phân tích EFA của tác giả

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

4.4 Kết quả phân tích hồi qui

Để đo lường mức độ quan trọng cho từng yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL, tác giả tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính bội theo mô hình, với bốn biến độc lập và một biến phụ thuộc. Mức độ quan trọng này sẽ được đánh giá bởi hệ số hồi quy đã chuẩn hóa vì hệ số này không phụ thuộc thang đo. Như vậy, nghiên cứu sẽ sử dụng phương trình hồi quy đã chuẩn hóa để phân tích mức độ quan trọng cho từng yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL.

Bảng 5: Bảng tóm tắt mô hình hồi quy

Mô hình	R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Std. Sai lỗi ước tính	Thống kê thay đổi			Hệ số Durbin-Watson
					df1	df2	Sig. F Change	
1	0,772[a]	0,596	0,584	0,41182	4	134	0,000	2,14

Nguồn: Xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS

Bảng 5 cho thấy, hệ số tương quan hiệu chỉnh R^{2*}=0,596 (Kiểm định F, sig.<0,05), có nghĩa là 59,6% sự thay đổi của biến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL được giải thích bởi 4 biến độc lập trong mô hình. Trị số thống kê Durbin-Watson có giá trị d=2,14 với số quan sát 139; số tham số (k-1) = 4; mức ý nghĩa 0,05 (95%); tra trong bảng thống kê Durbin-Watson: dL = 1,633 và dU = 1,715; như vậy: (dL =1,633) < (d = 2,14) < (4-dU =2,285) cho nên không có hiện tượng tự tương quan.

Bảng 6: Bảng ANOVA

Mô hình		Tổng bình phương	df	Ý nghĩa bình phương	F	Sig.
1	Biến thiên của hồi qui	33,498	4	8,375	49,379	0,000[b]
	Biến thiên của phần dư	22,726	134	0,170		
	Tổng	56,224	138			

Nguồn: Xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS

Bảng phân tích ANOVA cho thấy đại lượng thống kê F = 49,379 được tính từ R^2 có giá trị Sig rất nhỏ (Sig. = 0,000); điều này chứng tỏ rằng mô hình hồi quy xây dựng là phù hợp với bộ dữ liệu thu thập được với độ tin cậy 99% (Sig. < 0,01), như vậy các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc là năng lực cạnh tranh.

Bảng 7: Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL.

Mô hình		Hệ số hồi qui chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi qui đã chuẩn hóa	Hệ số t	Mức ý nghĩa Sig.	Đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn				Độ chấp nhận	VIF
1	(Constant)	-0,432	0,317		-1,363	0,175		
	VHAT	0,398	0,049	0,458	8,177	0,000	0,962	1,039
	PTNL	0,235	0,047	0,280	5.038	.000	0,975	1,025
	NLTN	0,289	0,047	0,341	6,144	0,000	0,978	1,023
	LHTT	0,234	0,039	0,339	6,069	0,000	0,968	1,033

Nguồn: Xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS

Qua bảng 7 cho thấy, tất cả 4 biến độc lập đều tác động cùng chiều đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95% theo mức độ giảm dần là: (1) Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer (beta = 0,458), (2) Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer (beta = 0,341), (3) Các hoạt động lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer (beta = 0,339); (4) Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian (beta = 0,280).

Phương trình hồi quy: *PTDL= 0,458×VHAT + 0,341×NLTN + 0,339×LHTT + 0,280×PTNL.*

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

5. THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.1 Thảo luận kết quả nghiên cứu

Phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL chịu tác động trực tiếp bởi 4 yếu tố. Mức độ tác động của các yếu tố như sau: *Thứ nhất*, Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer (beta = 0,458); *Thứ hai,* Các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer (beta = 0,341); *Thứ ba*, Các hoạt động lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer (beta = 0,339); *Thứ tư,* Các phong tục nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian (beta = 0,280). Kết quả nghiên cứu cho thấy, văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer và các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer có tác động mạnh đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL, kết quả này tương thích với nghiên cứu của Zhu, Zhu, và Zhu (2014) [15], Long và Nguyen (2018) [11] và LONG (2020) [7]. Ngoài ra, nghiên cứu còn kế thừa rất nhiều yếu tố về văn hóa Khmer của Sơn Lương (2017) [6].

5.2 Các hàm ý chính sách

Thứ nhất, lập danh mục món ăn đặc sắc của của đồng bào Khmer với các nội dung như: nguồn gốc, cách chế biến, cách thưởng thức… cụ thể như các món: (1) Pro hoc (là dạng mắm) và Pro hoc ôp (là dạng mắm còn nguyên con); (2) Pro hóc thường (là loại mắm mà người Khmer thường dùng để nêm trong các món canh); (3) Tép chao có nơi gọi là mắm tép; (3) Bún nước lèo để làm tư liệu quảng bá giới thiệu với du khách.

Thứ hai, lập danh mục các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào Khmer với các nội dung như: nguồn gốc, đặc điểm của lễ và ý nghĩa của lễ; thời gian, địa điểm tổ chức lễ, các hình ảnh và cách thức thực hiện lễ… để làm tư liệu quảng bá giới thiệu với du khách.

Thứ ba, lập ngôi làng văn hóa – du lịch Khmer, phác họa đầy đủ đời sống văn hóa tâm linh của người Khmer tại các nơi có nhiều đồng bào Khmer sinh sống như: lễ hội truyền thống dân gian, các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa ẩm thực, trang phục và âm nhạc. Tóm lại, tại ngôi làng văn hóa Khmer đó, du khách phải hiểu được các nghi lễ theo tín ngưỡng tôn giáo, các lễ hội truyền thống dân gian, các bản nhạc và điệu múa truyền thống, các món ăn đặc trưng, các trò chơi, các lễ hội của người Khmer.

Thứ tư, lập danh mục các nghi lễ theo tín ngưỡng dân gian của đồng bào Khmer với các nội dung như: nguồn gốc, đặc điểm của lễ và ý nghĩa của lễ; thời gian, địa điểm tổ chức lễ, các hình ảnh và cách thức thực hiện lễ… để làm tư liệu quảng bá giới thiệu với du khách.

6. HẠN CHẾ VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL chỉ thực hiện tại các điểm đến tại khu vực ĐBSCL được phát triển theo hướng các giả thuyết nghiên cứu được kiểm định tại các địa phương này mà chưa mở rộng trên phạm vi cả nước. Do đó, kết quả nghiên cứu chỉ mang tính đặc thù cho khu vực ĐBSCL, chưa mang tính đại diện cho các địa phương khác trong cả nước. Bên cạnh đó, nghiên cứu này xét các yếu tố văn hóa Khmer để phát triển DLST, nhưng chỉ tập trung vào 2 yếu tố văn hóa chính của đồng bào Khmer Nam bộ là văn hóa ẩm thực và lễ hội. Từ hạn chế trên, nghiên cứu tiếp theo không chỉ dừng lại ở các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển DLST gắn với văn hóa Khmer tại khu vực ĐBSCL mà còn mở rộng ra các địa phương khác, mở rộng thêm yếu tố khác của văn hóa Khmer, ngoài văn hóa ẩm thực và lễ hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Tổng cục Du lịch, *Báo cáo thường niên du lịch Việt Nam*. Nhà xuất bản Lao Động, 2019.

[2] Tổng cục Du lịch, *Báo cáo thường niên du lịch Việt Nam*. Nhà xuất bản Lao Động, 2020.

[3] Lê Huy Bá, *Du lịch sinh thái*. Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia, Tp. HCM, 2005.

[4] C. Demir and A. Cevirgen, *Ecotourism management*. Ankara: Nobel publishing. (In Turkish)., 2006.

[5] Ngô Văn Lệ, *Xây dựng đời sống văn hóa vùng dân tộc Khmer Nam bộ*. Vụ văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.

[6] Sơn Lương, *Phong tục - Lễ hội của đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng*. Đề tài cấp tỉnh Sóc Trăng, 2017.

[7] N. T. LONG, "The Competitiveness of Soc Trang Ecotourism Associated with Khmer Culture," *J. Asian Financ. Econ. Bus.*, vol. 7, no. 10, pp. 1107–1117, 2020, doi: 10.13106/jafeb.2020.vol7.no10.1107.

[8] J. F. Molina-Azorin, J. Pereira-Moliner, and E. Claver-Cortés, "The importance of the firm and destination effects

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

to explain firm performance," *Tour. Manag.*, vol. 31, no. 1, pp. 22–28, 2010.

[9] C.-F. Lee and B. King, "A determination of destination competitiveness for Taiwan's hot springs tourism sector using the Delphi technique," *J. Vacat. Mark.*, vol. 15, no. 3, pp. 243–257, 2009.

[10] S. Quan and N. Wang, "Towards a structural model of the tourist experience: An illustration from food experiences in tourism," *Tour. Manag.*, vol. 25, no. 3, pp. 297–305, 2004.

[11] N. T. Long and T.-L. Nguyen, "Sustainable development of rural tourism in An Giang Province, Vietnam," *Sustainability*, vol. 10, no. 4, p. 953, 2018, doi: 10.3390/su10040953.

[12] J. F. Hair, R. E. Anderson, R. L. Tatham, and W. C. Black, *Multivariate data analysis with readings*. Prentice-Hall, International, Inc, 2006.

[13] I. H. Nunnally, JC. & Bernstein, *Psychometric Theory*, Third edit. New York: Me Graw-Hill., 1994.

[14] J. C. Nunnally and I. H. Bernstein, "The Assessment of Reliability," *Psychom. Theory*, vol. 3, pp. 248–292, 1994.

[15] Y. Zhu, Q. Zhu, and Z. Zhu, "Modeling, Evaluation and Analysis of Tourism Destination Competitiveness: A Case Study of the Yangtze River Delta of China," *Asia Pacific J. Tour. Res.*, vol. 19, no. 8, pp. 932–949, 2014, doi: 10.1080/10941665.2013.833122.

Ngày nhận bài: 04/08/2021

Ngày chấp nhận đăng: 07/10/2021

© 2021 Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh